

Bản án số: 34 /2022/HS-PT

Ngày 11- 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Anh Đ và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1984; nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Mạnh H và bà: Nguyễn Thị O; có vợ là Nguyễn Thị P; có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh Đ: Ông Đặng Đức A- Luật sư Công ty Luật X thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

2. Họ và tên: Khổng Văn K, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1986; nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Khổng Văn F và bà: Nguyễn Thị D; Có vợ là Phan Thị N; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số: 476/2012/HSST ngày 31/8/2012 bị Tòa án nhân dân quận I, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 08/3/2013 đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Bùi Văn T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1975; nơi cư trú: Thôn Kh, xã J, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn R và bà: Đỗ Thị Ch; Có vợ là Đỗ Thị Y; có 01 con, sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Hoàng Ngọc F, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1982; nơi cư trú: thôn Kh, xã J, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Th và bà: Nguyễn Thị T1; Có vợ là Nguyễn Thị W; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ anh em họ hàng, quen biết xã hội nên các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Khổng Văn K, Bùi Văn T, Hoàng Ngọc F thỉnh thoảng đến nhà vợ chồng anh Bùi Văn Q, sinh năm 1972 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972 tại thôn Kh, xã J chơi. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 03/8/2021, Bùi Văn T đi bộ từ nhà đến nhà anh Bùi Văn Q gặp anh Bùi Văn Q ở nhà một mình. Hai người ngồi uống nước nói chuyện với nhau được một lúc thì anh Q có khách đi đò nên ra bến đò thuộc xã J, huyện S để chờ khách và bảo T ở nhà ngồi chơi, uống nước. Lúc này, chị H1 cũng đang bán vé tại bến đò, nhà anh chị không có ai ở nhà. Một lúc sau, Hoàng Ngọc F đi bộ đến và ngồi xuống bàn uống nước cùng T. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Anh Đ, Khổng Văn K và bạn của Đ là chị Dương Thị H2 đi vào ngồi uống nước cùng. Tại bàn uống nước nhà anh Bùi Văn Q, Đ nói với mọi người "Anh em mình làm tí" thì T, Hoàng Ngọc F, K hiểu ý Đ rủ đánh bạc nên đồng ý.

Sau đó, Đ, T, K, Ngọc F, H2 đi lên phòng ngủ trên tầng 02 nhà anh Bùi

Văn Q thì thấy chiếu cói đã trải sẵn trên nền nhà còn bộ bài tú lơ khơ để trên giường. Đ cầm bộ bài tú lơ khơ rồi Đ, T, K, F cùng ngồi xuống chiếu còn H2 không tham gia mà ngồi trên giường xem. Mọi người thống nhất đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi “*Liêng*”, đặt cửa mỗi ván thấp nhất là 50.000 đồng, tổ cao nhất là 200.000 đồng. Hình thức chơi cụ thể như sau: bắt đầu ván bài, mỗi người chơi sẽ được chia 3 lá bài, không được cho bất kì người chơi nào khác biết. Sau đó người chơi sẽ có các lựa chọn như sau: Người chơi sẽ chọn úp bài nếu cảm thấy bài của mình quá yếu, không thể thắng, nếu úp bài người chơi sẽ bị mất đi số tiền cược ban đầu và kết thúc ván bài đó; người chơi sẽ theo bài tức là đặt tiền cược đúng bằng số tiền của người ở cửa trên đặt; người chơi sẽ chọn tổ nếu đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền của những người cửa trên đã đặt; người chơi sẽ chọn tất tay tức là đặt cược toàn bộ số tiền mình đang có nếu cảm thấy bài của mình mạnh và cơ hội thắng cao. Sau khi mọi người đặt tiền cược, người nào có bộ bài mang số điểm cao nhất sẽ là người thắng cuộc. Các bộ bài sẽ được tính theo thứ tự từ lớn đến bé là Sáp (ba lá bài giống nhau), Liêng (ba lá bài liên tiếp nhau), Ảnh (cả ba lá bài đều là J, Q, K), Điểm (lấy tổng điểm ba lá bài chia cho 10, số dư chính là số điểm, điểm cao thì thắng). Đ, K, T, F đánh bạc đến khoảng 22 giờ 28 phút cùng ngày bị Công an huyện S phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.800.000 đồng, 01 chiếu cói, 52 quân bài tú lơ khơ.

Quá trình điều tra xác định được 04 bị cáo tham gia đánh bạc và tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 5.800.000đ. Cụ thể: Nguyễn Anh Đ sử dụng 1.000.000 đồng; Khổng Văn K sử dụng 2.000.000 đồng; Bùi Văn T sử dụng 2.200.000 đồng; Hoàng Ngọc F sử dụng 600.000 đồng.

Đối với Dương Thị H2 có mặt tại nhà anh Q, ngồi xem các đối tượng đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S không đề cập xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị H1 và anh Bùi Văn Q là chủ nhà hợp pháp. Tuy nhiên, khi các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà anh Q, chị H1 thì chị H1 và anh Q đang đi lái đò tại bến đò xã J, không có mặt ở nhà, không biết các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà ở của mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng và tài sản thu giữ:

- Số tiền 5.800.000 đồng các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc.
- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu cói là tài sản của gia đình anh Bùi Văn Q, các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Khổng Văn K, Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F phạm tội “đánh bạc”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng: khoản 1 + khoản 3 Điều 321; khoản 1 Điều 47; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Bùi Văn T, Hoàng Ngọc F.

Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Anh Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021).

Bùi Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021).

Hoàng Ngọc F 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021).

Áp dụng: khoản 1 + khoản 3 Điều 321; khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Khổng Văn K.

Xử phạt bị cáo Khổng Văn K 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2021).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 01/12/2021 các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Khổng Văn K có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 22/11/2021 các bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Anh Đ và Khổng Văn K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị được hưởng án treo. Bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đã nộp các tài liệu chứng cứ mới cụ thể như sau: Bị cáo Đ nộp các bản sao Huân, Huy chương của bố và ông nội bị cáo; đơn xin giảm án có xác nhận của chính quyền địa phương; biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí sơ thẩm. Các bị cáo K, F, T nộp đơn trình bày hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo K biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ, e

Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ, K, T, F. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 51/2021/HSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo Đ và K được hưởng án treo. Chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T và bị cáo F. Cụ thể đề nghị xử phạt T và F mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng Cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03 đến 06 tháng 8 năm 2021 theo quy định của pháp luật. Do bị cáo F và T không có thu nhập ổn định nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T và bị cáo F.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa. Trong bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Đ người bào chữa đã trình bày: Tội phạm bị cáo Đ thực hiện là loại tội ít nghiêm trọng, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.800.000đ vừa qua mức định lượng khởi khung theo quy định. Trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Đ có bố và ông nội là người có công với nước; bị cáo Đ đã nộp tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử đối chiếu các quy định của pháp luật cho bị cáo Nguyễn Anh Đ được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Khổng Văn K, Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án đã đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau về địa điểm, hình thức thực hiện tội phạm cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

[4] Xét về kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đ, K và kháng cáo đề nghị chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo T và bị cáo F. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, căn cứ vai trò vị trí

của từng bị cáo trong vụ án và nhân thân của các bị cáo để xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Đ 10 tháng tù; Khổng Văn K 08 tháng tù; Bùi Văn T 08 tháng tù; Hoàng Ngọc F 07 tháng tù cùng về tội “đánh bạc” là phù hợp quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi do các bị cáo thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo K và bị cáo Đ giữ nguyên nội dung kháng; bị cáo T và bị cáo F thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo Đ, K, T, F tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, quy mô nhỏ và giản đơn. Các bị cáo Đ, T, F đều lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình các bị cáo K, T, F đều có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Việc cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội.

Đối với bị cáo Đ là người khởi xướng việc đánh bạc nhưng đây là vụ án có quy mô không lớn, giản đơn; số tiền Đ dùng để đánh bạc không nhiều; Đ có bố và ông nội là người có công với nước. Ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất; Huân chương kháng chiến Hạng Nhì, bố để bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Ba; sau khi xét xử sơ thẩm Đ đã tự nguyện nộp tiền phạt và án phí theo bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Khổng Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm thứ yếu, số tiền tham gia đánh bạc không nhiều. Sau khi xét xử sơ thẩm K đã tự nguyện nộp tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm; K có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn nên một mình nuôi con chưa thành niên. Mặc dù, K có nhân thân bị xử 10 tháng tù về hành vi “ Trộm cắp tài sản”. Nhưng hành vi đã bị xét xử đến nay không còn là tiền án, hành vi đánh bạc mới thực hiện là loại tội ít nghiêm trọng. Bị cáo Đ và K đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ và bị cáo K cho các bị cáo Đ và K được hưởng án treo.

Đối với các bị cáo T và F căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được phân tích nêu trên các bị cáo tham gia đánh bạc giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe. Do đó, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo T và bị cáo F, chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ là 03 ngày từ ngày 03 đến 06 tháng 8 năm 2021 sẽ được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo T và bị cáo F có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên miễn khấu

trừ thu nhập nhưng cần buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đ và K; chấp nhận kháng cáo chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo T và F. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Đ đã phân tích các tình tiết của vụ án và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Đ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh Đ; Khổng Văn K, Bùi Văn T; Hoàng Ngọc F. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Cụ thể như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Khổng Văn K, Bùi Văn T, Hoàng Ngọc F phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh Đ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh Đ 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Khổng Văn K.

Xử phạt: Bị cáo Khổng Văn K 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Anh Đ và Khổng Văn K cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách trường hợp người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn T; Hoàng Ngọc F.

Xử phạt: Các bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F mỗi bị cáo 01 (một) năm cải tạo không giam giữ được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/8/2019 là 03 ngày, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F.

Giao các bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F về cho Ủy ban nhân dân xã J, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Ngọc F có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo .

Trường hợp các bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát các bị cáo thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự. Buộc bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc F phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án Các bị cáo Nguyễn Anh Đ; Khổng Văn K; Bùi Văn T; Hoàng Ngọc F không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các bị cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc